

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 2

MÔN: TIẾNG ANH 11 ENGLISH DISCOVERY



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. B	6. A	11. B	16. B	21. C	26. A	36.
2. A	7. C	12. B	17. crowded	22. C	27. C	37. C
3. C	8. B	13. C	18. emission	23. B	28. B	38. B
4. A	9. B	14. A	19. scenic	24. C	29. D	39. C
5. D	10. B	15. C	20. nutritious	25. C	30. B	40. D

31. It was the scenery of Hạ Long Bay that impressed us the most.
 32. Tourists staying in this hotel will be provided with 2 free meals.
 33. Humans should save energy.
 34. Unless we cut down on the use of fossil fuels, global warming won't stop.
 35. I wish I hadn't broken my rib.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. B**Kiến thức:** Trọng âm từ có 2, 3 âm tiết**Giải thích:**

- A. atmosphere /'æt·mə ,sfɪr/
 B. emissions /ɪ'mɪʃ.əns/
 C. eyebrows /'aɪ.brəʊz/
 D. masterpiece /'mæstər ,pi:s/

Phương án B có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn B

2. A**Kiến thức:** Trọng âm từ có 2, 3, 5 âm tiết**Giải thích:**

- A. deforestation / ,di: ,fɒr·ɪ'steɪ.ʃən/
 B. greenhouse /'grɪ:n.haʊs/
 C. permanent /'pɜ:.mə.nənt/
 D. breathtaking /'breθ ,teɪ.kɪŋ/

Phương án A có trọng âm 3, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn A

3. C

Kiến thức: Trọng âm từ có 2, 4 âm tiết

Giải thích:

- A. malaria /mə'læ.ri.ə/
- B. extinct /ɪk'stɪŋkt/
- C. destination /,des.tɪ'nei.ʃən/
- D. decay /di'keɪ/

Phương án C có trọng âm 3, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn C

4. A

Kiến thức: Phát âm “e”

Giải thích:

- A. scenery /'si:.nəri.i/
- B. heritage /'her.i.tɪdʒ/
- C. excavate /'ek.skə.veɪt/
- D. breathtaking /'breθ,teɪ.kɪŋ/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /ə/, các phương án còn lại phát âm /e/.

Chọn A

5. D

Kiến thức: Phát âm “a”

Giải thích:

- A. nation /'nei.ʃən/
- B. education /,edʒ.ə'keɪ.ʃən/
- C. famous /'feɪ.məs/
- D. volcanic /vɒl'kænik/

Phần được gạch chân ở phương án D được phát âm /æ/, các phương án còn lại phát âm /eɪ/.

Chọn D

6. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. sweet (adj): ngọt
- B. sour (adj): chua
- C. bitter (adj): đắng
- D. raw (adj): thô

My friend enjoys **sweet** food such as candies, ice cream and strawberry milk.

(Bạn tôi thích đồ ăn ngọt như kẹo, kem và sữa dâu.)

Chọn A

7. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. sweetened (adj): được làm ngọt
- B. spicy (adj): cay
- C. raw (adj): sống
- D. hot (adj): nóng

The vegetables are still **raw**. You need to boil it for another 20 minutes.

(Rau vẫn còn sống. Bạn cần đun sôi thêm 20 phút nữa.)

Chọn C

8. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. climate change/emissions: biến đổi khí hậu/khí thải
- B. fossil fuel/emissions: nhiên liệu hóa thạch/khí thải
- C. emissions/fossil fuel: khí thải/nhiên liệu hóa thạch
- D. emissions/climate change: khí thải/biến đổi khí hậu

Companies are advised to cut down on **fossil fuel** and reduce **emissions** of greenhouse gases.

(Các công ty nên cắt giảm nhiên liệu hóa thạch và giảm lượng khí thải nhà kính.)

Chọn B

9. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. heritage/diversities: di sản/sự đa dạng
- B. destination/diversity: điểm đến/sự đa dạng
- C. sites/scenery: địa điểm/phong cảnh
- D. places/ecosystem: địa điểm/hệ sinh thái

Narnia is a well-known **destination** which offers great **diversity** with lakes, glaciers, rivers and oceans.

(Narnia là một điểm đến nổi tiếng với sự đa dạng tuyệt vời với hồ, sông băng, sông và đại dương.)

Chọn B

10. B

Kiến thức: Thành ngữ

Giải thích:

- A. pulling my leg: trêu đùa tôi
- B. laughing my head off : cười nghiêng ngả
- C. on the tip of my tongue: sắp nhớ ra

D. breaking my heart: gây đau đớn

The play was so funny that I was **laughing my head off**.

(Vở kịch buồn cười đến nỗi tôi cười nghiêng ngả.)

Chọn B

11. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. starter (n): món khai vị

B. dessert (n): món tráng miệng

C. food (n): thức ăn

D. desert (n): sa mạc

After the main course, customers have sweets as their **dessert**.

(Sau món chính, khách hàng có thể dùng đồ ngọt để tráng miệng.)

Chọn B

12. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. in order to + V_o: để

B. so as not to + V_o: để không

C. so not to (*sai cấu trúc*)

D. so that + S + V: để

Take off your slippery shoes **so as not to** fall into this fast-flowing river.

(Hãy cởi giày trơn để không rơi xuống dòng sông chảy xiết này.)

Chọn B

13. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Theo sau động từ “expect” (*mong đợi*) cần một động từ ở dạng TO V_o (nguyên thể).

We **didn't expect** so many troubles **to happen** during the trip because we were too excited.

(Chúng tôi không ngờ lại có nhiều rắc rối xảy ra trong chuyến đi vì quá phấn khích.)

Chọn C

14. A

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

A. which: cái mà

B. where + S + V: nơi mà

C. whose + N: của người mà

D. that: cái mà (không đứng sau dấu phẩy)

Hạ Long Bay, **which** offers tourists a diverse ecosystem, attracts tourists from different countries.

(Vịnh Hạ Long, nơi mang đến cho du khách một hệ sinh thái đa dạng, thu hút khách du lịch từ nhiều quốc gia khác nhau.)

Chọn A

15. C

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Cấu trúc “make / have a decision” + TO V: đưa ra quyết định làm gì đó.

We had a decision **to carry out** a campaign on reducing fossil fuel and preventing climate change.

(Chúng tôi đã quyết định thực hiện chiến dịch giảm nhiên liệu hóa thạch và ngăn chặn biến đổi khí hậu.)

Chọn C

16. B

Kiến thức: Câu hỏi đuôi

Giải thích:

Cách làm câu hỏi đuôi: phủ định động từ chính + S?

We haven't had spaghetti for ages, **have we?**

(Đã lâu rồi chúng ta không ăn spaghetti phải không?)

Chọn B

17. crowded

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

Theo sau động từ to be “are” cần một tính từ.

crowd (n): đám đông => crowded (adj): đông đúc

Tourist destinations are often **crowded**, and hotel rooms are fully booked quickly.

(Các điểm du lịch thường đông đúc và phòng khách sạn nhanh chóng được đặt kín.)

Đáp án: crowded

18. emission

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

Sau mạo từ “the” cần một danh từ.

emit (v): thải ra => emission (n): sự thải ra

The **emission** of carbon dioxide damages the atmosphere.

(Sự phát thải carbon dioxide làm hỏng bầu khí quyển.)

Đáp án: emission

19. scenic**Kiến thức:** Từ loại**Giải thích:**

Trước danh từ “beauty” (*vẻ đẹp*) cần một tính từ.

scene (n): phong cảnh => scenic (adj): thuộc về cảnh vật

The stunning **scenic** beauty of Kenya attracts many tourists every year.

(*Cảnh đẹp tuyệt vời của Kenya thu hút rất nhiều khách du lịch mỗi năm.*)

Đáp án: scenic

20. nutritious**Kiến thức:** Từ loại**Giải thích:**

Trước danh từ “meals” (*những bữa ăn*) cần một tính từ.

nutrition (n): dinh dưỡng => nutritious (adj): có dinh dưỡng

Having **nutritious** meals is important to keep you healthy and in shape.

(*Ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng là điều quan trọng để giữ cho bạn khỏe mạnh và có vóc dáng cân đối.*)

Đáp án: nutritious

21. C**Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Theo bài đọc, hầu hết các nhà khoa học ngày nay tin vào điều gì?

- A. Biến đổi khí hậu không phải là vấn đề thực sự
- B. Biến đổi khí hậu không phải do con người gây ra
- C. Biến đổi khí hậu là có thật và do con người gây ra
- D. Biến đổi khí hậu không thể dừng lại

Thông tin: “Today, almost all the world's scientists agree: the world is getting hotter, and it is the fault of human beings.”

(*Ngày nay, hầu hết các nhà khoa học trên thế giới đều đồng ý: thế giới ngày càng nóng hơn và đó là lỗi của con người.*)

Chọn C

22. C**Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Mục tiêu của hội nghị thượng đỉnh COP26 vào tháng 11 năm 2021 là gì?

- A. Phủ nhận sự tồn tại của biến đổi khí hậu
- B. Thảo luận các lý thuyết khác nhau về biến đổi khí hậu
- C. Ra quyết định chống biến đổi khí hậu

D. Đẩy mạnh việc sử dụng than và dầu

Thông tin: "In November 2021, world leaders (or most of them) met in Glasgow, in Scotland, for the COP26 summit. They took quite a few decisions, to try and stop the Earth getting too warm."

(Vào tháng 11 năm 2021, các nhà lãnh đạo thế giới (hoặc hầu hết trong số họ) đã gặp nhau tại Glasgow, Scotland để tham dự hội nghị thượng đỉnh COP26. Họ đã đưa ra khá nhiều quyết định nhằm cố gắng ngăn chặn Trái đất trở nên quá nóng.)

Chọn C

23. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

"Năng lượng tái tạo" trong ngữ cảnh của văn bản là gì?

- A. Nguồn năng lượng có hại cho môi trường
- B. Các nguồn năng lượng xanh như mặt trời, gió và sông ngòi
- C. Những nguồn năng lượng không thể sử dụng trước năm 2100
- D. Các nguồn năng lượng không tái tạo như than và dầu

Thông tin: "World leaders agree that we have to stop using coal and oil to generate heat and electricity; we should use green energy sources instead, known as "renewables.""

(Các nhà lãnh đạo thế giới nhất trí phải ngừng sử dụng than và dầu để tạo ra nhiệt và điện; thay vào đó chúng ta nên sử dụng các nguồn năng lượng xanh, được gọi là "năng lượng tái tạo".)

Chọn B

24. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Theo văn bản, một số thách thức liên quan đến việc "sống xanh" là gì?

- A. Nó không yêu cầu công nghệ bổ sung
- B. Đây không phải là một quá trình tốn kém
- C. Nó quá đắt
- D. Đó là một sự chuyển đổi dễ dàng

Thông tin: "'Going green" will cost an enormous amount of money and use some kinds of technology that do not yet exist. Also, there are some people who believe that it will be too expensive."

("Sống xanh" sẽ tiêu tốn một khoản tiền khổng lồ và sử dụng một số loại công nghệ chưa tồn tại. Ngoài ra, có một số người tin rằng nó sẽ quá đắt.)

Chọn C

25. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Một số chính trị gia làm gì theo văn bản?

- A. Giữ lời hứa
- B. Ưu tiên môi trường hơn mọi thứ khác
- C. Hứa nhưng không giữ lời
- D. Hỗ trợ các sáng kiến năng lượng xanh

Thông tin: “there are politicians who are frightened of doing anything that other people will not like; they make promises, but they do not keep them.”

(có những chính trị gia sợ làm bất cứ điều gì mà người khác không thích; họ hứa nhưng họ không giữ lời.)

Chọn C

Tạm dịch bài đọc:

Vẫn có người cho rằng biến đổi khí hậu là không có thật! Những người khác nói rằng nó có thật, nhưng chúng ta không thể làm gì để ngăn chặn nó, nên chúng ta không cần cố gắng. Một số người thậm chí còn cho rằng biến đổi khí hậu không phải do con người gây ra. Nhưng hầu hết mọi người hiện nay đều hiểu rằng thế giới của chúng ta đang ngày càng nóng hơn và chúng ta phải làm gì đó để giải quyết vấn đề này. Chúng ta chỉ có một Trái đất và chúng ta không thể có được một Trái đất khác.

Hai mươi năm trước, có lẽ mọi người có thể tưởng tượng rằng biến đổi khí hậu không phải là một vấn đề thực sự, bởi vì một số nhà khoa học vẫn còn nghi ngờ. Ngày nay, hầu hết các nhà khoa học trên thế giới đều đồng ý: thế giới ngày càng nóng hơn và đó là lỗi của con người. Hành tinh của chúng ta đang tiến tới một thảm họa khí hậu, nhưng chúng ta có thể ngăn chặn những tác động tồi tệ nhất của nó. Quả thực, chúng ta phải làm mọi cách có thể để ngăn chặn chúng. Vào tháng 11 năm 2021, các nhà lãnh đạo thế giới (hoặc hầu hết trong số họ) đã gặp nhau tại Glasgow, Scotland để tham dự hội nghị thượng đỉnh COP26. Họ đã đưa ra khá nhiều quyết định nhằm cố gắng ngăn chặn Trái đất trở nên quá nóng. Nhiều quốc gia hứa sẽ trở thành "trung hòa carbon" trước năm 2050. Một số quốc gia đã hứa sẽ trở thành trung hòa carbon nhanh hơn nữa. Các nhà lãnh đạo thế giới nhất trí phải ngừng sử dụng than và dầu để tạo ra nhiệt và điện; thay vào đó chúng ta nên sử dụng các nguồn năng lượng xanh, được gọi là "năng lượng tái tạo".

Trước năm 2100, tất cả năng lượng chúng ta sử dụng có thể đến từ các nguồn tái tạo; mặt trời, biển, gió và sóng có thể tạo ra đủ năng lượng cho mọi người trên hành tinh của chúng ta, nhưng chúng ta vẫn còn một chặng đường dài phía trước. Cuộc cách mạng năng lượng xanh đã bắt đầu nhưng thách thức vẫn còn rất lớn. “Sống xanh” sẽ tiêu tốn một khoản tiền khổng lồ và sử dụng một số loại công nghệ chưa tồn tại. Ngoài ra, có một số người tin rằng nó sẽ quá đắt.

Mặc dù hầu hết mọi người đều quan tâm đến hành tinh của chúng ta và biết rằng chúng ta phải hành động ngay bây giờ để tránh thảm họa khí hậu, nhưng vẫn có những người khác có những ưu tiên khác. Có những người không quan tâm, và có những người quan tâm đến bản thân họ hơn là thế giới xung quanh. Có những người và các công ty lớn chỉ muốn kiếm tiền và không quan tâm đến bất cứ điều gì cản trở họ. Quan trọng nhất, có những chính trị gia sợ làm bất cứ điều gì mà người khác không thích; họ hứa nhưng họ không giữ lời.

26. A**Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

Trước danh từ chỉ chức danh “World Heritage Site” (*di sản thế giới*) cần dùng mạo từ “the”.

In 1999, the old town was recognised as **the** World Heritage Site by UNESCO.

(Năm 1999, khu phố cổ được UNESCO công nhận là Di sản Thế giới.)

Chọn A

27. C**Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

A. includes (v): bao gồm

B. composes (v): soạn

C. consists + of (v): bao gồm

D. has (v): có

The town **consists** of a well-preserved complex of thousands of timber frame buildings, with brick or wooden walls, including an open market, pagodas, temples, and other structures.

(Thị trấn bao gồm một khu phức hợp được bảo tồn tốt gồm hàng nghìn tòa nhà khung gỗ, tường gạch hoặc gỗ, bao gồm chợ mở, chùa, đền và các công trình kiến trúc khác.)

Chọn C

28. B**Kiến thức:** Chia thì động từ**Giải thích:**

Cấu trúc câu bị động thì hiện tại đơn chủ ngữ số nhiều: S + are + V3/ed.

The houses **are arranged** side by side in tight, unbroken rows along narrow pedestrian streets.

(Những ngôi nhà được sắp xếp san sát nhau, thành dãy không gián đoạn dọc theo những con phố đi bộ chật hẹp.)

Chọn B

29. D**Kiến thức:** So sánh nhất**Giải thích:**

Cấu trúc so sánh nhất có dấu hiệu “the” với tính từ ngắn “famous” (*nổi tiếng*): The + most + ADJ ngắn + danh từ.

One of the **most famous** attractions is the Japanese Bridge Pagoda (Cau Pagoda),

(Một trong những điểm tham quan nổi tiếng nhất là chùa Cầu Nhật Bản (chùa Cầu),)

Chọn D

30. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. from: từ

B. back: trở lại

C. against: chống lại

D. out: ngoài

Cụm từ “date back to”: có niên đại từ

The bridge has a fascinating history dating **back** to the 17th century.

(Cây cầu có một lịch sử hấp dẫn có niên đại từ thế kỷ 17.)

Chọn B

Bài hoàn chỉnh:

Hoi An Ancient Town

Hoi An Ancient Town is located in Viet Nam’s central Quang Nam Province on the banks of the Thu Bon River. In 1999, the old town was recognised as (26) **the** World Heritage Site by UNESCO. As a well-preserved example of a Southeast Asian trading port dating from the 15th to 19th century, its architecture is a mixture of local and foreign styles. The town (27) **consists** of a well-preserved complex of thousands of timber frame buildings, with brick or wooden walls, including an open market, pagodas, temples, and other structures. The houses (28) **are arranged** side by side in tight, unbroken rows along narrow pedestrian streets. The original street plan has also stayed the same.

One of the (29) **most famous** attractions is the Japanese Bridge Pagoda (Cau Pagoda), which was built over a small canal flowing out into the Thu Bon River. It’s part of a 420-year-old bridge, painted in beautiful red and pink colours, with a wooden pagoda roof. The bridge has a fascinating history dating (30) **back** to the 17th century. Restored several times, this important monument is well preserved and has become the symbol of Hoi An and the highlight of any walking tour in the old town.

Tạm dịch:

Phố cổ Hội An

Phố cổ Hội An nằm ở trung tâm tỉnh Quảng Nam của Việt Nam bên bờ sông Thu Bồn. Năm 1999, khu phố cổ được UNESCO công nhận là (26) Di sản Thế giới. Là một ví dụ được bảo tồn tốt về một thương cảng Đông Nam Á có niên đại từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 19, kiến trúc của nó là sự pha trộn giữa phong cách địa phương và nước ngoài. Thị trấn (27) **bao gồm** một khu phức hợp được bảo tồn tốt gồm hàng nghìn tòa nhà khung gỗ, có tường gạch hoặc gỗ, bao gồm chợ mở, chùa, đền và các công trình kiến trúc khác. Những ngôi nhà (28) **được xếp cạnh nhau thành từng dãy sít sao, liền mạch dọc theo những con phố đi bộ chật hẹp. Quy hoạch đường phố ban đầu cũng được giữ nguyên.**

Một trong những điểm tham quan (29) **nổi tiếng nhất** là Chùa Cầu Nhật Bản (Chùa Cầu), được xây dựng trên một con kênh nhỏ chảy ra sông Thu Bồn. Đó là một phần của cây cầu 420 năm tuổi được sơn màu đỏ và hồng tuyệt đẹp với mái chùa bằng gỗ. Cây cầu có một lịch sử hấp dẫn có (30) **niên đại từ thế kỷ 17. Được trùng tu**

nhiều lần, di tích quan trọng này được bảo tồn tốt và trở thành biểu tượng của Hội An và là điểm nhấn của bất kỳ chuyến đi dạo nào trong phố cổ.

31.

Kiến thức: Câu chẻ

Giải thích:

Cấu trúc câu chẻ: It + tobe + đối tượng nhấn mạnh + S + V.

The scenery of Hạ Long Bay impressed us the most.

(Phong cảnh Vịnh Hạ Long làm chúng tôi ấn tượng nhất.)

Đáp án: **It was the scenery of Hạ Long Bay that impressed us the most.**

(Chính phong cảnh Vịnh Hạ Long khiến chúng tôi ấn tượng nhất.)

32.

Kiến thức: Rút gọn mệnh đề quan hệ

Giải thích:

Rút gọn mệnh đề quan hệ: Sau đại từ quan hệ cộng động từ thì lược bỏ đại từ quan hệ, động từ chuyển thành dạng V-ing mang nghĩa chủ động.

Tourists who stay in this hotel will be provided with 2 free meals.

(Du khách lưu trú tại khách sạn này sẽ được cung cấp 2 bữa ăn miễn phí.)

Đáp án: **Tourists staying in this hotel will be provided with 2 free meals.**

(Khách du lịch lưu trú tại khách sạn này sẽ được cung cấp 2 bữa ăn miễn phí.)

33.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

Cấu trúc viết câu đưa ra lời khuyên: S + should + Vo (nguyên thể).

It is advisable that humans save energy.

(Đó là khuyến khích rằng con người tiết kiệm năng lượng.)

Đáp án: **Humans should save energy.**

(Con người nên tiết kiệm năng lượng.)

34.

Kiến thức: Câu điều kiện loại 1 với “unless”

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với “Unless” (trừ khi): Unless + S + V, S + will / can + Vo (nguyên thể)

Global warming won't stop if we don't cut down on the use of fossil fuels.

(Sự nóng lên toàn cầu sẽ không dừng lại nếu chúng ta không cắt giảm việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch.)

Đáp án: **Unless we cut down on the use of fossil fuels, global warming won't stop.**

(Trừ khi chúng ta cắt giảm việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch, sự nóng lên toàn cầu sẽ không dừng lại.)

35.

Kiến thức: Câu ước với “wish”

Giải thích:

Cấu trúc viết câu ước với “wish” (ước): S + wish + S + V (lùi thì)

It's so unfortunate that I broke my rib.

(*Thật không may là tôi đã bị gãy xương sườn.*)

Đáp án: **I wish I hadn't broken my rib.**

(*Tôi ước gì tôi đã không bị gãy xương sườn.*)

Bài nghe:

When I was a teenager most of the food that I was giving my pigs was actually perfectly fit for human consumption. It was coming from supermarket dumpsters; bins full of food being locked and sent off to landfill sites. And I thought well I'm just scratching the surface here.

At least a third of the world's food supply is currently being wasted. When you add it all up it amounts to an enormous environmental catastrophe and a major contributor to the scarcity of food in some parts of the world.

The ridiculously strict cosmetic standards laid down by supermarkets in Europe and America mean that farmers in Kenya waste thousands of tonnes of perfectly good food every single year right where there are millions of people hungry.

This is the food waste from one day of packing, in one plant in Kenya. Multiply that by many times and you start to see the scale and the gratuitousness of the global food waste scandal.

Tristram speaking to market stall holder: “So I want to take this but I also ... can I have a look at your other bins around the back?”

I'm going to take that because that is actually really really good pig food.

At root, what we need to change is society. We need to make everyone believe that food is far too valuable to waste.

I'm a founder of the charity, Feedback. What we do as an organisation is try and inspire people to take action in their own lives. That's our number one objective - to spread the global food waste revolution. We find that the best way of doing that is to hold a massive free feast with food that otherwise would be wasted so people are having fun whilst building solutions and collaborating with each other to use food rather than throwing it away.

Tristram speaking at a food feast: “Supermarkets who used to reject stuff because it didn't look perfect have changed their ways. Food redistribution has doubled in the UK since we launched our campaigns and we can, and we will, change the whole way the food system is being run and it's our responsibility to do that”.

I've been campaigning on food waste for twenty-two years. In that period, I have seen food waste gone from a neglected issue that no one knew about to one that is now treated as a global priority.

We can change this system and if we don't, no one else will!

Tạm dịch:

Khi tôi còn là một thiếu niên, hầu hết thức ăn tôi cho lợn ăn thực sự hoàn toàn phù hợp cho con người. Nó đến từ thùng rác siêu thị; những thùng chứa đầy thực phẩm được khóa lại và gửi đến các bãi chôn lấp. Và tôi nghĩ rõ ràng là tôi chỉ đang làm trầy xước bề mặt ở đây.

Ít nhất một phần ba nguồn cung cấp thực phẩm của thế giới hiện đang bị lãng phí. Khi bạn cộng tất cả lại, nó sẽ dẫn đến một thảm họa môi trường to lớn và là nguyên nhân chính gây ra tình trạng khan hiếm lương thực ở một số nơi trên thế giới.

Các tiêu chuẩn mỹ phẩm cực kỳ nghiêm ngặt do các siêu thị ở Châu Âu và Châu Mỹ đặt ra có nghĩa là nông dân ở Kenya lãng phí hàng nghìn tấn thực phẩm hoàn toàn tốt mỗi năm ngay tại nơi có hàng triệu người đói. Đây là chất thải thực phẩm sau một ngày đóng gói tại một nhà máy ở Kenya. Nhân con số đó lên nhiều lần và bạn bắt đầu thấy quy mô cũng như sự vô cơ của vụ bê bối lãng phí thực phẩm toàn cầu.

Tristram nói chuyện với người bán hàng ở chợ: “Vì vậy, tôi muốn lấy cái này nhưng tôi cũng... tôi có thể xem những chiếc thùng khác của bạn ở phía sau được không?”

Tôi sẽ lấy thứ đó vì đó thực sự là thức ăn cho lợn rất ngon.

Về căn bản, điều chúng ta cần thay đổi chính là xã hội. Chúng ta cần làm cho mọi người tin rằng thực phẩm rất có giá trị để lãng phí.

Tôi là người sáng lập tổ chức từ thiện, Feedback. Những gì chúng tôi làm với tư cách là một tổ chức là cố gắng truyền cảm hứng cho mọi người hành động trong cuộc sống của chính họ. Đó là mục tiêu số một của chúng tôi - lan tỏa cuộc cách mạng rác thải thực phẩm toàn cầu. Chúng tôi thấy rằng cách tốt nhất để làm điều đó là tổ chức một bữa tiệc lớn miễn phí với đồ ăn nếu không sẽ bị lãng phí để mọi người vui vẻ trong khi xây dựng các giải pháp và cộng tác với nhau để sử dụng đồ ăn thay vì vứt đi.

Tristram phát biểu tại một bữa tiệc ẩm thực: “Các siêu thị từng từ chối những mặt hàng vì nó trông không hoàn hảo đã thay đổi cách thức của họ. Việc phân phối lại thực phẩm đã tăng gấp đôi ở Vương quốc Anh kể từ khi chúng tôi triển khai các chiến dịch của mình và chúng tôi có thể và sẽ thay đổi toàn bộ cách vận hành hệ thống thực phẩm và trách nhiệm của chúng tôi là phải làm điều đó”.

Tôi đã vận động chống lãng phí thực phẩm trong 22 năm. Trong giai đoạn đó, tôi đã chứng kiến rác thải thực phẩm từ một vấn đề bị lãng quên mà không ai biết đến trở thành một vấn đề hiện được coi là ưu tiên toàn cầu.

Chúng ta có thể thay đổi hệ thống này và nếu chúng ta không làm vậy thì sẽ không có ai khác làm được!

36. A

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Nguồn thức ăn chính của loài lợn mà người nói đề cập đến khi chúng còn nhỏ là gì?

- A. Thùng rác siêu thị
- B. Ruộng đồng
- C. Bãi rác
- D. Cửa hàng tạp hóa

Thông tin: “When I was a teenager most of the food that I was giving my pigs was actually perfectly fit for human consumption. It was coming from supermarket dumpsters;”

(Khi tôi còn là một thiếu niên, hầu hết thức ăn tôi cho lợn ăn thực sự hoàn toàn phù hợp cho con người. Nó đến từ thùng rác siêu thị;)

Chọn A

37. C

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Theo người nói, bao nhiêu phần trăm nguồn cung cấp thực phẩm của thế giới hiện đang bị lãng phí?

A. Ít nhất 50%

B. Chính xác một phần ba

C. Hơn 30%

D. Khoảng 25%

Thông tin: “At least a third of the world’s food supply is currently being wasted.”

(Ít nhất một phần ba nguồn cung cấp thực phẩm của thế giới hiện đang bị lãng phí.)

Chọn C

38. B

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Tại sao nông dân ở Kenya lại lãng phí hàng nghìn tấn thực phẩm hoàn toàn tốt mỗi năm như đã đề cập trong văn bản?

A. Do thiếu nhu cầu về sản phẩm của họ

B. Vì tiêu chuẩn mỹ phẩm khắt khe của siêu thị

C. Do cơ sở lưu trữ kém

D. Họ cố tình vứt bỏ thức ăn

Thông tin: “The ridiculously strict cosmetic standards laid down by supermarkets in Europe and America mean that farmers in Kenya waste thousands of tonnes of perfectly good food every single year”

(Các tiêu chuẩn mỹ phẩm cực kỳ nghiêm ngặt do các siêu thị ở Châu Âu và Châu Mỹ đặt ra có nghĩa là nông dân ở Kenya lãng phí hàng nghìn tấn thực phẩm hoàn toàn tốt mỗi năm.)

Chọn B

39. C

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Mục đích chính của tổ chức từ thiện “Phản hồi” được đề cập trong kịch bản là gì?

A. Truyền bá nhận thức về giá trị của thực phẩm

B. Tổ chức các bữa tiệc miễn phí lớn

- C. Khuyến khích phân phối lại lương thực
- D. Truyền cảm hứng cho mọi người hành động chống lãng phí thực phẩm

Thông tin: “What we do as an organisation is try and inspire people to take action in their own lives. That’s our number one objective - to spread the global food waste revolution.”

(Những gì chúng tôi làm với tư cách là một tổ chức là cố gắng truyền cảm hứng cho mọi người hành động trong cuộc sống của chính họ. Đó là mục tiêu số một của chúng tôi - lan tỏa cuộc cách mạng rác thải thực phẩm toàn cầu.)

Chọn C

40. D

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Sự thay đổi tích cực nào đã xảy ra ở Anh liên quan đến tình trạng lãng phí thực phẩm như được đề cập trong văn bản?

- A. Siêu thị ngày càng lãng phí
- B. Tái phân phối lương thực đã giảm
- C. Chiến dịch lãng phí thực phẩm không có tác động
- D. Tái phân phối lương thực đã tăng gấp đôi

Thông tin: “Food redistribution has doubled in the UK since we launched our campaigns”

(Việc phân phối lại thực phẩm đã tăng gấp đôi ở Anh kể từ khi chúng tôi phát động chiến dịch của mình)

Chọn D